

Số: 33 /BC-CTK

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 01 NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

1.1. Trồng trọt:

a) Cây lúa:

Đến ngày 15/01/2019 đã gieo trồng được 54.925 ha lúa đông xuân 2018 - 2019, đạt 98,1% kế hoạch và giảm 2,11% hay giảm 1.185 ha so với cùng kỳ năm trước. Hiện lúa đông xuân đang ở giai đoạn đẻ nhánh 8.918 ha, đòng trổ 38.241 ha, chắc xanh đến chín 4.134 ha và đã thu hoạch 3.632 ha. Năng suất của các trà lúa đã thu hoạch ước đạt 58,02 tạ/ha, tăng 6,07% hay tăng 3,32 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước.

Diện tích lúa hiện đang bị nhiễm sâu bệnh là 2.317 ha, giảm 1.295 ha so cùng kỳ năm trước; trong đó nhiễm rầy nâu 598 ha với mật số phổ biến 500 - 3.000 con/m², bệnh đạo ôn 732 ha với tỷ lệ 5 - 10%. Nhìn chung, cây lúa hiện đang phát triển khá tốt; sâu bệnh chủ yếu gây hại ở mức độ nhẹ, được phòng trị kịp thời nên đã hạn chế được mức độ thiệt hại về năng suất.

b) Cây màu (các loại cây hàng năm khác ngoài lúa):

Ước tính trong tháng gieo trồng 5.036,5 ha rau màu, tăng 1,98% hay tăng 98 ha so cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích màu xuống ruộng là 4.021 ha, chiếm 79,84% diện tích xuống giống. Diện tích cây màu tăng mạnh chủ yếu ở các loại: Ngô (bắp) tăng 20,46%; rau các loại tăng 15,15%; ...

Phần lớn giá các sản phẩm cây màu đều ở mức hợp lý, đảm bảo cho người sản xuất có lợi nhuận. Riêng giá khoai lang tím Nhật do gặp khó khăn trong thị trường đầu ra nên giá vẫn đang trên đà tiếp tục sụt giảm, hiện ở mức từ 420 ngàn - 550 ngàn đồng/tạ (tạ 60 kg).

Do ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 1 đã ảnh hưởng nhất định đến tình hình sản xuất cây màu. Bên cạnh đó, các loài sâu ăn tạp, sâu xanh, sâu tơ, sâu đục trái, bọ trĩ, thán thư, ... cũng đã xuất hiện trên rau màu nhưng nhờ chủ động phòng trị nên mức độ ảnh hưởng không lớn đến năng suất và chất lượng sản phẩm.

c) Cây lâu năm:

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, toàn tỉnh hiện có 2.646 ha nhãn đang bị nhiễm bệnh chồi rồng, giảm 1.310 ha so với cùng kỳ năm trước; ngoài ra, còn có 6.758 ha cây lâu năm bị nhiễm các loại dịch hại khác, tăng 202 ha so với cùng kỳ. Nhìn chung các loại dịch hại bị nhiễm với mật số thấp, được phòng trị kịp thời nên các vườn cây ăn trái vẫn tiếp tục phát triển.

Phần lớn giá bán các sản phẩm cây lâu năm đều ổn định hoặc tăng khá so với tháng trước; trong đó giá bưởi Năm roi (loại I) tăng 20%; chôm chôm Java tăng 7,1%, ... Riêng giá chôm chôm đường giảm 30,8%; nhãn Edor giảm 11,5%; ... so với tháng trước.

Ước tính sản lượng cây lâu năm thu hoạch 47.837 tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó sản lượng trái cây các loại đạt 37.451 tấn, tăng 3,5%.

1.2. Chăn nuôi:

Trong tháng không phát hiện bệnh cúm gia cầm, tuy nhiên phát hiện 01 ổ dịch bệnh tai xanh và dịch tả trên heo với 40 con bệnh tại 01 hộ chăn nuôi thuộc xã Thới Hòa (huyện Trà Ôn), đã tiêu hủy 35 con heo bệnh, tiêu độc khử trùng tại ổ dịch để không lây lan diện rộng, hiện ổ dịch đã được khống chế; phát hiện bệnh lở mồm long móng trên bò tại 17 hộ thuộc 02 xã Tích Thiện và Trà Côn (huyện Trà Ôn) với 59 con bệnh, đã tổ chức tiêm phòng và dập dịch kịp thời, tiêu độc khử trùng không để lây lan ra diện rộng, ổ dịch hiện đang được theo dõi.

Giá heo hơi tuy có sụt giảm nhưng vẫn ổn định ở mức khá cao, người nuôi vẫn có lợi nhuận khá. Giá phần lớn các loại sản phẩm chăn nuôi khác đều ổn định so với tháng trước; riêng giá vịt hơi giảm 22,2%, trứng vịt giảm 13%, ... So với cùng kỳ năm trước, giá heo hơi tăng 57,8%, giá gà công nghiệp tăng 26,7%, bò hơi tăng 10,4%, ...

Tiêm phòng đợt I năm 2019 đạt: 3.990 liều lở mồm long móng trên heo, 2.919 liều tai xanh trên heo, 1.320 liều lở mồm long móng trên trâu bò, 153 liều đại chó; tiêm phòng vaccine cúm gia cầm được 45.149 con gà và 83.514 con vịt.

1.3. Thủy sản:

Giá cá tra nguyên liệu tuy có giảm so với tháng trước nhưng vẫn ở mức cao, hiện đang ở mức 29.000 - 29.500 đồng/kg; với giá bán này người nuôi vẫn có lợi nhuận rất khá. Toàn tỉnh hiện có 257,5 ha mặt nước đang thả nuôi cá tra công nghiệp, tăng 14,35 ha so với cùng kỳ năm trước.

Giá cá điêu hồng nuôi lồng bè ổn định so với tháng trước nhưng giảm 2.000 đồng/kg so cùng kỳ năm trước (hiện đang ở mức 32.000 đồng/kg) người nuôi vẫn có lợi nhuận khá cao. Toàn tỉnh hiện có 1.633 lồng bè nuôi cá với tổng thể tích 353.624 m³, tăng 308 chiếc và tổng thể tích lồng bè tăng 67.625 m³ so với cùng kỳ năm trước; trong đó hiện đang thả nuôi 1.159 chiếc, tăng 197 chiếc.

Do thời tiết chuyển lạnh và thay đổi bất thường, các yếu tố môi trường thường xuyên biến động đã tạo điều kiện cho bệnh thủy sản phát sinh. Bệnh trên cá tra nuôi thương phẩm và cá nuôi lồng bè chủ yếu là bệnh xuất huyết, gan thận có mũ, trắng gan, bệnh thối mang.

2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (*IIP - Index of Industrial Production*) tháng 01/2019 ước tính giảm 4,2% so với tháng trước, trong đó ngành công nghiệp khai khoáng giảm 30,88%; công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 4,41%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt giảm 1,44%; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 1,79%. So với cùng tháng năm trước chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01/2019 tăng 13,46%, trong đó ngành khai khoáng tăng 6,17%; công nghiệp chế

biến, chế tạo tăng 13,23%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 16,92%; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 17,55%.

Nhiều ngành công nghiệp có mức sản xuất tăng cao so với cùng kỳ như: Sản xuất sản phẩm thuốc lá gấp 3,76 lần cùng kỳ; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 27,31%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 17,34%; sản xuất trang phục tăng 13,43%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 11,33%; ... Tuy nhiên, do khó khăn về nguồn nguyên liệu hoặc yếu thế cạnh tranh trên thị trường nên một số ngành có mức sản xuất giảm mạnh như: Sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 41,25%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 18,14%; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 12,99%; sản xuất đồ uống giảm 6,48%; ...

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 01/2019 giảm so với tháng 12/2018 chủ yếu do nhiều doanh nghiệp đã đẩy mạnh sản xuất từ tháng trước để cung cấp hàng hóa tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán, bên cạnh đó tháng 01 còn là tháng đầu năm nên phần lớn doanh nghiệp chưa ký được hợp đồng mới, chỉ tổ chức sản xuất ở mức bình thường để chờ đơn hàng mới.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 01/2019 ước tính giảm 2,34% so với tháng trước nhưng tăng 13,55% so với cùng kỳ năm trước. Nhiều ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao so với cùng kỳ như: Sản xuất sản phẩm thuốc lá gấp 4,11 lần cùng kỳ; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 182,54%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 83,36%; ngành dệt tăng 65,88%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 24,63%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 20,08%; sản xuất trang phục tăng 18,3%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 17,28%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 12,14%; ... Tuy nhiên, do khó khăn về thị trường, yếu thế cạnh tranh nên chỉ số tiêu thụ của một số ngành giảm mạnh như: Chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 23,22%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 18,26%; sản xuất đồ uống giảm 8,17%; ...

Chỉ số tồn kho tháng 01/2019 của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,68% so với tháng trước và tăng 66,18% so với cùng kỳ năm trước. Nhiều ngành do tập trung sản xuất để chuẩn bị cung ứng sản phẩm theo các hợp đồng đã được ký kết, hoặc chịu ảnh hưởng của thị trường xuất khẩu nên chỉ số tồn kho tăng cao so với cùng kỳ như: Sản xuất đồ uống tồn kho gấp 3,04 lần cùng kỳ; ngành dệt tăng 132,2%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 99,57%; sản xuất và chế biến thực phẩm tăng 86,68%; sản xuất trang phục tăng 69,11%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 64%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 55,45%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 42,31%; ... Tuy nhiên, một số ngành nhờ có đầu ra ổn định, lượng hàng hóa sản xuất ra được tiêu thụ mạnh nên chỉ số tồn kho trong tháng giảm đáng kể như: Công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 88,17%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 33,76%; sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 27,79%; sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu têt bện giảm 16,56%; ...

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/01/2019 tăng 0,02% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 0,19%; doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 2,32%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 1,07%. Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 1,45% so với cùng thời điểm năm trước; ngành công nghiệp chế biến, chế

tạo giảm 0,04%; ngành sản xuất, phân phối điện tăng 2,82%; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 0,36%.

3. Đầu tư

Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản do Nhà nước địa phương quản lý năm 2019 được phân khai là 2.768,374 tỷ đồng (đã loại trừ các khoản trả nợ, hoàn nguồn và thanh toán khối lượng các năm trước), thực hiện theo Quyết định số 2118/QĐ-BKHĐT và Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện thuộc kế hoạch vốn do Nhà nước địa phương quản lý tháng 01/2019 ước tính đạt 147,8 tỷ đồng, giảm 47,95% so với tháng trước và giảm 17,32% so với cùng kỳ năm trước. Tiến độ thực hiện vốn đạt 5,34% kế hoạch năm, cao hơn cùng kỳ năm trước 1,59 điểm phần trăm. Khối lượng thực hiện chủ yếu ở các công trình chuyển tiếp của năm 2018; các công trình mới bố trí vốn năm 2019 chỉ đang trong giai đoạn hoàn tất hồ sơ, thủ tục xây dựng cơ bản.

Tiếp tục thi công các công trình chuyển tiếp của năm 2018 như: Cải tạo mở rộng Trụ sở làm việc và Hội nghị Tỉnh ủy Vĩnh Long; Khố nhà làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan tổng hợp (khố 2); Cải tạo nâng cấp Trung tâm điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Long; Dự án cải tạo nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long (phần thiết bị); Dự án Kè sông Cổ Chiên - thành phố Vĩnh Long (hạng mục công viên - cây xanh); Đê bao chống ngập thành phố Vĩnh Long - khu vực sông Cái Cá; Bệnh viện đa khoa huyện Mang Thít; ... và nhiều công trình giao thông, thủy lợi, kết cấu hạ tầng khác được bố trí vốn lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng xã nông thôn mới.

Trong tháng có 02 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được cấp phép mới bao gồm 01 dự án thuộc nhà đầu tư Singapore, 01 dự án thuộc nhà đầu tư Nhật Bản cùng hoạt động ngành sản xuất và chế biến thực phẩm với tổng số vốn đăng ký 20 triệu USD.

4. Giao thông vận tải

Trong tháng thời tiết thuận lợi, có Tết Dương lịch và cận Tết Nguyên đán nên nhu cầu vận chuyển hàng hóa phục vụ thị trường Tết cũng như nhu cầu đi lại của người dân đều tăng khá cao. Tình hình vận tải của địa phương cụ thể như sau:

- **Vận tải hành khách:** Ước tính vận chuyển được 3.492 nghìn lượt khách với 79,5 triệu HK.Km; so với tháng trước tăng 2,47% về hành khách vận chuyển và tăng 2,32% về hành khách luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước tăng 6,71% về hành khách vận chuyển và tăng 10,97% về hành khách luân chuyển. Trong đó, vận tải đường bộ đạt 2.634 nghìn lượt khách với 78 triệu HK.Km; so với tháng trước tăng 2,07% về hành khách vận chuyển và tăng 2,29% về hành khách luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước tăng 7,8% về hành khách vận chuyển và tăng 11,12% về hành khách luân chuyển.

Vận tải hành khách của địa phương có xu hướng phát triển khá mạnh, chủ yếu do các đơn vị vận tải ngoài nhà nước thường xuyên đầu tư đổi mới phương tiện; sửa chữa, mở rộng bến bãi; áp dụng giá cước vận chuyển ổn định cùng với

dịch vụ hỗ trợ được cải thiện đáng kể đã góp phần làm tăng sản lượng vận tải hành khách của địa phương.

- **Vận tải hàng hóa**: Ước tính vận chuyển được 585 nghìn tấn với 55,83 triệu Tấn.Km; so với tháng trước tăng 1,85% về hàng hóa vận chuyển và tăng 1,86% về hàng hóa luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước tăng 7,15% về hàng hóa vận chuyển và tăng 10,56% về hàng hóa luân chuyển. Trong đó, vận tải đường bộ ước đạt 175 nghìn tấn với 20,82 triệu Tấn.Km, so với tháng trước tăng 2,77% về hàng hóa vận chuyển và tăng 1,84% về hàng hóa luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước tăng 12,79% về hàng hóa vận chuyển và tăng 15,66% về hàng hóa luân chuyển.

- **Doanh thu vận tải**: Ước tính doanh thu vận tải tháng 01/2019 đạt 172,4 tỷ đồng, tăng 2,79% so với tháng trước và tăng 8,27% so cùng kỳ năm trước; trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 74,9 tỷ đồng tăng 2,73% so với tháng trước và tăng 8,69% so cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 85,8 tỷ đồng tăng 2,76% so với tháng trước và tăng 8,34% so cùng kỳ năm trước; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 11,7 tỷ đồng, tăng 3,43% so với tháng trước và tăng 5,12% so cùng kỳ năm trước.

5. Thương mại, dịch vụ và giá cả thị trường

5.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng:

Tháng 01/2019 là tháng giáp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019 nên người dân tập trung mua sắm nhiều loại hàng hóa chuẩn bị phục vụ nhu cầu tiêu dùng, đồng thời cũng là mùa cưới hỏi nên sức mua thị trường khá sôi động. Bên cạnh đó, giá cả hàng hóa tương đối bình ổn; nguồn cung hàng hóa dồi dào, đa dạng về mẫu mã và chủng loại; các siêu thị và doanh nghiệp thực hiện chính sách giảm giá, áp dụng nhiều hình thức khuyến mãi khá hấp dẫn đã tác động làm tăng sức cầu hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.

Hơn nữa, thu nhập của dân cư tăng lên, nhu cầu tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng nên các ngành dịch vụ tiêu dùng khác trong tháng đầu của năm 2019 tiếp tục phát triển khá.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 4.089 tỷ đồng, tăng 4,38% so với tháng trước; trong đó bán lẻ hàng hóa (thương nghiệp bán lẻ) tăng 4,58%, dịch vụ lưu trú và ăn uống (khách sạn - nhà hàng) tăng 3,75%, du lịch lữ hành tăng 4,21% và dịch vụ khác tăng 3,96%. Nếu loại trừ biến động giá (CPI tăng 0,02% so với tháng trước) thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thực tế tăng 4,36%.

So với cùng kỳ năm trước, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10,42%; trong đó bán lẻ hàng hóa tăng 10,51%, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,57%, du lịch lữ hành tăng 12,51% và dịch vụ khác tăng 9,64%. Nếu loại trừ biến động giá (CPI tăng 2,74% so với cùng kỳ năm trước) thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thực tế tăng 7,48%.

Khách lưu trú ước đạt 107 nghìn lượt, tăng 2,96% so với tháng trước và tăng 11,09% so với cùng kỳ năm trước. Khách du lịch theo tour ước đạt 11,4 nghìn lượt, tăng 4,17% so với tháng trước và tăng 8,48% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khách quốc tế chiếm 50,2%.

Cùng với kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch được mở rộng và nâng cấp, các ngành, các cấp tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác xúc tiến và hỗ trợ phát triển du lịch; khuyến khích và hỗ trợ các đơn vị du lịch lữ hành quảng bá, cải thiện môi trường du lịch, khai thác mô hình du lịch gắn liền với tham quan các di tích lịch sử, văn hóa; thiết kế nhiều tour hấp dẫn và linh hoạt, chất lượng phục vụ ngày càng nâng cao, ... nên đã có sức thu hút mạnh mẽ đối với khách du lịch. Mặc dù chưa bước vào cao điểm mùa du lịch nhưng các đơn vị hoạt động du lịch lữ hành vẫn khai thác tốt các tour trước Tết Nguyên đán; gắn tham quan du lịch với hoạt động tâm linh và hướng về tổ tiên, nguồn cội.

5.2. Xuất nhập khẩu hàng hóa:

Tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh trong tháng 01/2019 ước đạt 45,6 triệu USD, giảm 0,54% so với tháng trước. Xuất khẩu giảm nhẹ so với tháng trước do các doanh nghiệp chưa ký kết được hợp đồng mới trong tháng đầu năm; hàng hóa xuất khẩu trong tháng chủ yếu là tiếp tục hoàn thành các đơn hàng của năm 2018.

Một số mặt hàng chủ lực của tỉnh có mức xuất giảm so với tháng trước đã tác động làm kéo giảm tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu chung 4,31 điểm phần trăm, trong đó hàng rau quả giảm 44,24% làm kéo giảm 2,52 điểm phần trăm; gạo xuất khẩu giảm 64,3% về sản lượng và giảm 63,84% về giá trị do chưa ký được hợp đồng mới, chỉ tiếp tục thực hiện hợp đồng xuất khẩu sang Philippins, đã kéo giảm 1,6 điểm phần trăm; ... Tuy nhiên, có nhiều mặt hàng tăng so với tháng trước nhưng mức tăng không cao nên ảnh hưởng không lớn đến mức tăng chung như: Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù tăng 15,93%, đóng góp 1,81 điểm phần trăm; giày da tăng 1,59%, đóng góp 0,86 điểm phần trăm; hàng dệt may tăng 3,25% đóng góp 0,32 điểm phần trăm; ...

So với cùng kỳ năm trước, tổng kim ngạch xuất khẩu tháng 01/2019 tăng 43,44%. Hầu hết các mặt hàng đều có mức xuất khẩu tăng mạnh đã đóng góp vào tốc độ tăng chung 43,6 điểm phần trăm, trong đó ảnh hưởng đáng kể là: Giày da tăng 25,18%, đóng góp 16,03 điểm phần trăm; túi xách, ví, vali, mũ và ô dù xuất gấp 2,8 lần cùng kỳ, đóng góp 12,26 điểm phần trăm; hàng dệt may tăng 42,84%, đóng góp 4,45 điểm phần trăm; hàng rau quả xuất gấp 3,8 lần cùng kỳ, đóng góp 3,38 điểm phần trăm; hàng thủy sản xuất gấp 2,96 lần cùng kỳ, đóng góp 3,27 điểm phần trăm; ...

Tổng trị giá nhập khẩu trong tháng ước đạt 14,15 triệu USD, tăng 16,08% so với tháng trước và tăng 0,3% so cùng kỳ năm trước. Do tình hình sản xuất đang tiếp tục cung ứng cho thị trường Tết Nguyên đán sắp tới và để chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất ngay sau Tết nên nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu tháng này vẫn duy trì ở mức tăng khá so với tháng trước như: Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc tăng 35,83%; nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày tăng 17,12%; gỗ và sản phẩm từ gỗ tăng 10,85%; vải các loại tăng 3,03%; ...

5.3. Giá cả thị trường:

Trong tháng giá xăng dầu được điều chỉnh giảm với biên độ khá lớn đã góp phần bình ổn giá cả thị trường. Tuy nhiên, giá gas tăng nhẹ từ đầu tháng; phần lớn các mặt hàng thủy hải sản tươi sống, rau quả, trái cây tươi có xu hướng tăng khá do nhu

cầu tiêu dùng thời điểm cận Tết Nguyên đán tăng cao đã làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI - *Consumer Price Index*) tháng 01/2019 tăng 0,02% so với tháng trước.

Có 09/32 nhóm hàng hóa, dịch vụ tăng so với tháng trước, 22/32 nhóm bình ổn, chỉ có 01 nhóm giao thông giảm mạnh (giảm 3,16% so với tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu giảm mạnh) nhưng cũng đã ảnh hưởng đến CPI chung.

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 01/2019 tăng 2,74%, thấp hơn 1,64 điểm phần trăm so với số liệu tương ứng của năm 2018. Có 25/32 nhóm hàng hóa, dịch vụ tăng so với cùng kỳ đã tác động làm tăng CPI chung, trong đó có ảnh hưởng lớn là: Thể thao và giải trí khác tăng 9,46%; thực phẩm tăng 7,8%; du lịch trọn gói tăng 6,83%; dịch vụ giáo dục tăng 5,73%; lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 5,4%; lương thực tăng 3,45%; điện và dịch vụ điện tăng 3,27%; dịch vụ văn hóa tăng 2,8%; ăn uống ngoài gia đình tăng 2,3%; may mặc tăng 2,13%; ...

* **Chỉ số giá vàng và Dollar Mỹ:** Giá vàng trong tỉnh thường xuyên biến động theo thị trường trong nước và thế giới, Dollar Mỹ giảm nhẹ. Chỉ số giá vàng tháng 01/2019 tăng 2,3% so với tháng trước nhưng giảm 0,07% so với cùng kỳ năm trước; Dollar Mỹ giảm 0,44% so với tháng trước nhưng tăng 2,23% so với cùng kỳ năm trước.

6. Tài chính - ngân hàng

6.1. Thu - Chi ngân sách:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước thực hiện 682 tỷ đồng, đạt 11,05% dự toán năm, tăng 12,06% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu được 30,5 tỷ đồng, giảm 39% so với cùng kỳ. Nhiều khoản thu tăng mạnh so với cùng kỳ như: Thu phí, lệ phí gấp 4,13 lần cùng kỳ, thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh tăng 104,29%, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 44,14%, thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương tăng 26,67%, ...

Tổng chi ngân sách của tỉnh ước thực hiện được 891 tỷ đồng, đạt 10,67% dự toán năm và tăng 132,05% so với cùng kỳ năm trước. Hầu hết các khoản chi cân đối ngân sách địa phương đều tăng mạnh so với cùng kỳ; trong đó chi cho đầu tư phát triển được 291 tỷ đồng, đạt 7,91% dự toán năm và gấp 3,63 lần cùng kỳ.

6.2. Ngân hàng:

Trong tháng 01/2019, ngành Ngân hàng đã chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2019 theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó triển khai thực hiện kịp thời và đầy đủ các văn bản mới có liên quan, trong đó trọng tâm là: Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 08/01/2019 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2019; Quyết định số 2570/QĐ-NHNN ngày 25/12/2018 về mức lãi suất của các ngân hàng thương mại áp dụng trong năm 2019 đối với dư nợ của các khoản cho vay hỗ trợ nhà ở; Quyết định số 34/QĐ-NHNN ngày 07/01/2019 về việc ban hành Chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Công văn số 52/NHNN-PHKQ3 ngày 03/01/2019 về việc phối hợp trong công tác bảo vệ tiền Việt Nam; Công văn số 166/NHNN-TT ngày 07/01/2019 về việc tăng cường giám sát, kiểm soát hoạt động thẻ ngân hàng và các văn bản chỉ đạo có liên quan; ...

Các ngân hàng thực hiện đúng quy định về trần lãi suất huy động và cho vay của Ngân hàng Nhà nước. Tình hình lãi suất hiện nay cụ thể như sau:

- **Lãi suất huy động bằng VND:** Một số Ngân hàng thương mại cổ phần ngoài nhà nước có điều chỉnh tăng ở các kỳ hạn từ 12 tháng trở lên từ 0,1 - 1%/năm nên mặt bằng lãi suất có tăng nhẹ. Hiện phổ biến ở mức từ 0,5 - 1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng, từ 4,3 - 4,8%/năm đối với các kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng, từ 5,3 - 5,5%/năm đối với các kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng, từ 6,4 - 7%/năm đối với các kỳ hạn từ 12 tháng trở lên đối với khối Ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước; khối Ngân hàng thương mại cổ phần ngoài nhà nước cao hơn 0,1 - 1,8%/năm tùy theo từng kỳ hạn gửi và số tiền gửi. Lãi suất huy động bằng USD vẫn duy trì mức trần 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức.

- **Lãi suất cho vay:** Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị triển khai hoạt động ngành Ngân hàng năm 2019, một số ngân hàng đã điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn bằng VNĐ đối với khách hàng thuộc lĩnh vực ưu tiên. Hiện lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ đối với các lĩnh vực ưu tiên từ 6 - 6,5%/năm; trong một số gói tín dụng cụ thể, các khách hàng có tình hình tài chính tốt được áp dụng lãi suất thấp hơn 6%/năm. Lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực không thuộc đối tượng ưu tiên: Ngắn hạn phổ biến ở mức 7 - 10%/năm, trung dài hạn phổ biến ở mức 9% - 10%/năm đối với khối Ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước; khối Ngân hàng thương mại cổ phần ngoài nhà nước cao hơn 0,5 - 1%/năm.

Số dư nguồn vốn huy động trên địa bàn ước tính đến cuối tháng 01/2019 đạt 33.920 tỷ đồng, tăng 0,19% so với số đầu năm; trong đó tiền gửi dân cư đạt 24.010 tỷ đồng, chiếm 70,8% trên tổng số dư nguồn vốn huy động, tăng 0,56% so với số đầu năm. Là tháng cận Tết Nguyên đán, nhu cầu chi tiêu người dân tăng cao nhưng lượng kiều hối chuyển về tăng mạnh nên tiền gửi tiết kiệm tăng nhẹ; mặt khác, do nhu cầu thanh toán phục vụ Tết tăng cao nên tiền gửi của các tổ chức kinh tế biến động giảm so với tháng trước.

Tổng dư nợ cho vay trên địa bàn ước tính đến cuối tháng đạt 25.000 tỷ đồng, tăng 0,64% so với số đầu năm; trong đó dư nợ cho vay trung dài hạn 11.350 tỷ đồng, chiếm 45,4% tổng dư nợ cho vay, tăng 0,51% so với số đầu năm. Do nhu cầu vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và vay tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán tăng mạnh nên dư nợ cho vay tăng nhẹ so với tháng trước.

Ước tính đến cuối tháng, nợ xấu trên địa bàn toàn tỉnh là 517 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu chiếm 2,07% trên tổng dư nợ cho vay, giảm 0,01 điểm phần trăm so với đầu năm.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Đời sống dân cư

Đầu tháng 01/2019 (từ 01/01/2019 - 04/01/2019) do chịu ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 1, nhiều đợt mưa lớn, gió mạnh làm thiệt hại 54,7 ha hoa màu (trong đó thiệt hại hoàn toàn 21,7 ha) tại 02 huyện Bình Tân và Vũng Liêm, ước thiệt hại trên 3,3 tỷ đồng. Chính quyền địa phương đã tiến hành khảo sát, động viên, giúp đỡ hộ dân bị ảnh hưởng khắc phục hậu quả, ổn định sản xuất.

Tình hình đời sống đại bộ phận dân cư tương đối ổn định, có sự cải thiện nhưng không nhiều. Sản xuất nông nghiệp tuy chịu ảnh hưởng của thời tiết cực đoan, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi nhưng nhờ giá cả một số nông sản chủ lực có xu hướng tăng, cùng với việc ứng dụng có hiệu quả tiên bộ khoa học, kỹ thuật, sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, nhiều mô hình sản xuất hiệu quả được nhân rộng giúp sản xuất nông nghiệp phục hồi và phát triển. Các ngành sản xuất kinh doanh khác tiếp tục đã phát triển khá thuận lợi. Việc thực hiện Nghị định số 157/2018/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng đã tạo sự phấn khởi, đồng thuận của người lao động trong khu vực này. Việc điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP của Chính phủ, khoản thu nhập tăng thêm từ nguồn tiết kiệm chi của các cơ quan, đơn vị đã góp phần cải thiện đời sống của những người hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, công tác chăm sóc người có công và công tác an sinh xã hội được quan tâm đúng mức, không xảy ra tình trạng thiếu đói trong dân.

2. Giáo dục - đào tạo

Các bậc học trên địa bàn tỉnh đã tổ chức sơ kết học kỳ I năm học 2018 - 2019 với kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng cụ thể như sau:

- Bậc tiểu học: Đánh giá theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT đạt 99,93% về mức độ hình thành và phát triển phẩm chất; 99,72% về mức độ hình thành và phát triển năng lực.

- Bậc trung học cơ sở: Tỷ lệ học sinh giỏi, khá đạt 62,08%, tăng 0,24 điểm phần trăm; tỷ lệ học sinh yếu kém còn 7,37%, giảm 0,35 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

- Bậc trung học phổ thông: Tỷ lệ học sinh giỏi, khá đạt 66,77%, tăng 3,58 điểm phần trăm; tỷ lệ học sinh yếu, kém còn 2,3%, giảm 1,31 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Mạng lưới trường lớp mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên tiếp tục được đầu tư, bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu học tập của học sinh. Số trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 52,11%, trường có thư viện đạt chuẩn đạt tỷ lệ 59,93%, phòng học được xây dựng kiên cố, bán kiên cố đạt tỷ lệ 99,11% đảm bảo môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp và an toàn.

Đưa các đội tuyển tham dự và phối hợp tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia năm 2019. Tổ chức Cuộc thi nghiên cứu Khoa học kỹ thuật, hội thi Hùng biện Tiếng Anh bậc trung học cấp tỉnh năm học 2018 - 2019.

3. Văn hóa - thể thao

Tiếp tục tập trung tuyên truyền, cổ động các nhiệm vụ chính trị trọng tâm như: Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự chuyên biến”, “tự chuyên hóa” trong nội bộ; các Nghị quyết Trung ương 6, Trung ương 7 và Trung ương 8, khóa XII; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII; kỷ niệm 74 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 29 năm ngày hội Quốc phòng toàn dân, ngày Dân số Việt Nam, ngày truyền thống Học sinh, sinh viên

Việt Nam; ... Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân Kỷ Hợi năm 2019.

Tổ chức hội thi “Tiếng hát người khuyết tật” tỉnh Vĩnh Long lần thứ 2 năm 2018; hội thi “Nét đẹp Vĩnh Long năm 2019”.

Tổ chức hội thảo “Thiết kế và liên kết cung cấp dịch vụ, sản phẩm du lịch”. Hỗ trợ Công ty cổ phần NETVIET Truyền thông đa phương tiện (TP HCM) ghi hình chương trình “Một ngày làm người Việt”. Phối hợp 04 tỉnh (Bến Tre, Trà Vinh, Long An, Tiền Giang) tham gia Hội chợ triển lãm thương mại du lịch tỉnh Tiền Giang năm 2019.

Tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Tổ chức giải Bóng đá thanh niên, nông dân; giải Điền kinh học sinh; hội thao sinh viên tỉnh Vĩnh Long; ...

Về thể thao thành tích cao: Đội tuyển Bóng chuyên nam, Bóng chuyên nữ tham gia Vòng chung kết - xếp hạng giải Bóng chuyên vô địch quốc gia PV Gas 2018 tại Đắk Lắk, cả 02 đội đều đạt thành tích: Giữ hạng đội mạnh quốc gia.

4. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

So với cùng kỳ năm trước, bệnh tiêu chảy tháng 01/2019 giảm 57,07% (phát sinh 88 ca), thủy đậu gấp 3,7 lần (phát sinh 100 ca), quai bị giảm 57,14% (phát sinh 42 ca), sốt xuất huyết gấp 2,7 lần (phát sinh 131 ca), hội chứng tay chân miệng gấp 2,4 lần (phát sinh 443 ca); riêng bệnh sốt rét, thương hàn và dịch hạch không phát sinh.

Các cơ sở y tế công lập đã khám và điều trị cho 290.472 lượt người; trong đó, khám tại các trạm y tế chiếm 31,15%, khám bảo hiểm y tế chiếm 87,18%.

Tiến hành xét nghiệm 1.695 mẫu, phát hiện 08 ca nhiễm HIV, 05 ca nhiễm HIV chuyển sang giai đoạn AIDS và không có ca AIDS tử vong. Lũy kế từ ca đầu tiên đến nay, toàn tỉnh đã phát hiện 3.003 ca nhiễm HIV; trong đó có 1.602 ca đã chuyển sang giai đoạn AIDS và 827 ca AIDS đã tử vong.

Đến nay, số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 1.034 trẻ, phụ nữ có thai tiêm VAT 2⁺ đạt 742 người.

Nhìn chung, ngành y tế đã chủ động triển khai tốt công tác y tế dự phòng; thường xuyên giám sát công tác phòng chống dịch bệnh; xử lý kịp thời, triệt để khi phát hiện dịch bệnh. Trong tháng không phát sinh ngộ độc thức ăn và thực phẩm.

5. An toàn giao thông và trật tự an toàn xã hội

Trong tháng (tính từ ngày 16/12/2018 đến ngày 15/01/2019) đã xảy ra 17 vụ tai nạn giao thông đường bộ, bao gồm 15 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 02 vụ va chạm giao thông, làm chết 12 người, bị thương 08 người; so với tháng trước giảm 05 vụ, số người chết tăng 01, số bị thương giảm 08 người; so với cùng kỳ năm 2018 giảm 06 vụ, số người chết tăng 02, số bị thương giảm 20 người. Không phát sinh tai nạn giao thông đường thủy và cháy nổ.

Các lực lượng chức năng đã tăng cường phối hợp tuần tra, kiểm soát đối tượng, phương tiện tham gia giao thông; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nhân dân để góp phần bảo đảm an toàn giao thông và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

6. Vấn đề xã hội khác

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công. Phối hợp tổ chức buổi họp mặt do Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình trực tiếp thăm hỏi, động viên và trao tặng quà Tết Nguyên đán 2019 các Mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình chính sách, học sinh nghèo vượt khó. Triển khai xây dựng 30 căn nhà cho người có công, thân nhân người có công, hội viên Hội Cựu chiến binh, đến nay có 09 căn đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, còn 21 căn hoàn thành từ 50 - 80%. Trợ cấp khó khăn đột xuất cho 02 đối tượng người có công với số tiền là 8 triệu đồng. Hỗ trợ xây dựng mới 01 căn nhà tình nghĩa, số tiền 50 triệu đồng.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững và công tác bảo trợ xã hội. Tổng kết Chương trình hành động quốc gia Người cao tuổi năm 2018 và triển khai kế hoạch năm 2019. Tổ chức trao học bổng cho 100 em học sinh nghèo có nguy cơ bỏ học của 02 huyện Trà Ôn và Mang Thít do tổ chức Dillon - Hoa kỳ tài trợ với tổng kinh phí 132 triệu đồng. Trong tháng, Trung tâm Bảo trợ xã hội đã đón tiếp 91 lượt đoàn, cá nhân đến thăm và tặng quà với tổng trị giá các phần quà trên 322 triệu đồng.

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em tiếp tục quan tâm. Vận động hỗ trợ quà Tết cho trẻ em nghèo, cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em người dân tộc trong tỉnh, đến nay đã tiếp nhận được 77 triệu đồng. Tổ chức bàn giao 08 căn nhà tình thương cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Tổ chức tuyển sinh học nghề cho 1.153 người, giải quyết việc làm mới cho 2.427 lao động, xuất khẩu lao động được 101 người; Tư vấn bảo hiểm thất nghiệp cho 396 người, chi trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 511 người.

Tổ chức kiểm tra, phát hiện 71 vụ vi phạm pháp luật về môi trường (65 vụ khai thác cát sông không phép, 06 vụ giết mổ và kinh doanh thịt gia súc), xử phạt vi phạm hành chính 44 vụ với số tiền 615 triệu đồng, số còn lại đang củng cố hồ sơ xử lý.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Vụ ĐP II - VPTW Đảng;
- Vụ ĐP (Phá Nam) - VPCP;
- Các sở, ban, ngành;
- Lưu TH, VT.

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Ân